

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN-BỘ TÀI CHÍNH
Số: 80/2003/TTLT-BNN-
BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp

Thi hành Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về "Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp" (Sau đây gọi là Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là hộ gia đình) được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Hộ gia đình được các tổ chức Nhà nước khoán bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

2. Giải thích từ ngữ và khái niệm

Các từ ngữ và khái niệm trong Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu như sau:

a. Hiện trạng rừng

Hiện trạng rừng là trạng thái rừng tại thời điểm hộ gia đình được giao, được thuê hoặc nhận khoán, gồm:

- Rừng thứ sinh nghèo kiệt quy định tại Mục a Khoản 4 Điều 7; Khoản 5 Điều 14 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu là nhóm chưa có rừng do rừng đã bị khai thác kiệt quệ, hoặc đã khai thác từ lâu nhưng chưa được phục hồi, phần lớn chỉ có cỏ, cây bụi, hoặc cây gỗ, tre mọc rải rác với độ che phủ dưới mức 0,3 thuộc trạng thái đất trống IC quy định tại Quyết định số 682/QĐKT, ngày 01 tháng 8 năm 1984 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về việc ban hành bản quy phạm thiết kế kinh doanh rừng (sau đây gọi là Quyết định số 682/QĐKT).

Rừng phục hồi sau nương rẫy hoặc sau khai thác quy định tại Mục a Khoản 4 Điều 7; Khoản 5 Điều 14 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu là rừng phục hồi sau nương rẫy bởi lớp cây tiên phong ưa sáng mọc nhanh đều tuổi, 1 tầng, đường kính nhỏ hoặc sau khai thác kiệt, còn sót tại một số cây gỗ nhưng phẩm chất xấu, trữ lượng không đáng kể, đường kính phổ biến không vượt quá 20cm, thuộc trạng thái rừng loại IIA, IIB, IIIA1 quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

- Rừng có trữ lượng ở mức trung bình hoặc giàu quy định tại Mục a Khoản 4 Điều 7; Khoản 5 Điều 14 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu như sau:

Rừng có trữ lượng ở mức trung bình là rừng thứ sinh đã bị chặt chọn nhưng chưa làm thay đổi đáng kể cấu trúc của rừng hoặc phát triển từ rừng phục hồi sau khai thác, sau nương rẫy đã có một số cây có đường kính lớn (trên 35cm) có thể khai thác sử dụng. Trữ lượng trung bình trên 100 m³/ha, thuộc trạng thái rừng loại IIIA2 và IIIA3 quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

Rừng có trữ lượng ở mức giàu là rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh thành thực cho đến nay chưa được khai thác sử dụng, có cấu trúc ổn định, nhiều tầng, hoặc rừng đã bị chặt chọn lấy ra một ít gỗ quý, gỗ tốt nhưng chưa làm thay đổi đáng kể về cấu trúc của rừng, khả năng cung cấp của rừng còn nhiều, trữ lượng bình quân trên 150m³/ha, thuộc trạng thái rừng loại IVA, IVB và IIB quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

Các trạng thái rừng được nêu tại điểm a Khoản 2 Mục I Thông tư này áp dụng cho loại rừng gỗ lá rộng thường xanh và nửa rụng lá.

Đối với loại rừng khộp và các loại rừng khác, UBND cấp tỉnh quy định cụ thể từng loại trạng thái rừng theo quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

b. Rừng ngập nước: Là loại rừng được hình thành ở các vùng đất ngập mặn, vùng đất ướt, vùng đất chua phèn, có các loại cây như: Đước, Tràm, Sú, Vẹt, Mắm....

c. Cây phù trợ: Là cây trồng xen, hỗ trợ cây trồng chính theo mật độ nhất định, gồm các loài cây mọc nhanh, cây có tác dụng vừa cải tạo đất vừa có hiệu quả kinh tế.

3. Bên giao, khoán

a. Bên giao: Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

b. Bên giao khoán: Là các tổ chức Nhà nước được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, gồm: Lâm trường quốc doanh, Nông trường quốc doanh, Ban quản lý khu rừng đặc dụng, Ban quản lý khu rừng phòng hộ, Công ty, Xí nghiệp, Trạm, Trại lâm nghiệp..., đã tiến hành giao khoán rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình để bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng thông qua hợp đồng khoán.

Trường hợp diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê, UBND xã sở tại chịu trách nhiệm quản lý đã ký hợp đồng khoán cho hộ gia đình để bảo vệ rừng thì hộ gia đình và UBND xã cũng được hưởng lợi từ rừng theo quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

4. Lâm sản khai thác chính

Lâm sản khai thác chính để phân chia giữa hộ gia đình với bên giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp được quy định như sau:

a. Đối với rừng sản xuất: Lâm sản khai thác chính là lâm sản thu được sau khi tiến hành khai thác những khu rừng đã đến tuổi khai thác. Trong trường hợp hộ gia đình được giao hoặc nhận khoán trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng có nguồn thu chủ yếu từ rừng là sản phẩm hàng năm: nhựa, quả, hạt, hoa thì sản phẩm khai thác chính là sản lượng nhựa, quả, hạt, hoa thu hoạch được hàng năm.

b. Đối với rừng phòng hộ: Lâm sản khai thác chính là lâm sản thu được sau khi tiến hành khai thác những khu rừng đã đáp ứng yêu cầu phòng hộ theo quy định hiện hành.

5. Nhà nước giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình được quy định tại các Điều 4, 5, 7 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg là giao rừng cho hộ gia đình để quản lý, bảo vệ và xây dựng rừng theo quy chế quản lý của từng loại rừng.

Rừng tự nhiên được giao là tài nguyên quốc gia, không phải là tài sản của hộ gia đình; hộ gia đình chỉ được hưởng lợi ích từ rừng tùy theo hiện trạng rừng khi giao, thời gian, tiền của và công sức mà hộ gia đình đã đầu tư vào rừng.

6. Quyền hưởng lợi của hộ gia đình được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Quyền hưởng lợi trên đất lâm nghiệp là những lợi ích từ rừng mà người được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp được hưởng, gồm:

a. Gỗ: Bao gồm gỗ được phép khai thác để làm nhà mới hoặc thay thế nhà cũ, sửa chữa lớn nhà ở cho mình tại xã nơi có rừng theo quy định tại khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 8; gỗ thu được khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh; gỗ được phân chia khi thực hiện khai thác chính theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

b. Củi: Bao gồm những cây gỗ chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh, cành, ngọn không thể tận dụng làm gỗ mà hộ gia đình được thu hái làm củi đun theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

c. Lâm sản ngoài gỗ, như: tre, nứa, vầu, lồ ô, giang, dùng, măng các loại mây, hèo, quả, các loại lá, vỏ cây nhựa, hạt, cây thuốc v.v... (trừ những động vật, thực vật nằm trong danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm theo quy định của Chính phủ và danh mục động vật, thực vật ghi trong phụ lục công ước quốc tế CITES).

d. Sản phẩm nông nghiệp trồng xen, nuôi trồng thủy sản, vật nuôi.

đ. Dịch vụ du lịch

e. Chi phí công trả bằng tiền (nếu có)

h. Được sử dụng một phần diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng được giao hoặc nhận khoán để sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp, nhưng không làm ảnh hưởng xấu tới cây rừng, phải tuân theo quy hoạch ngành, địa phương hoặc sự hướng dẫn của Bên giao khoán; hộ nhận khoán được phép sử dụng không quá 200m² làm lán trại tạm để trông nom khu rừng trong thời gian nhận khoán, nhưng phải được Bên giao khoán thoả thuận bằng văn bản và phải đăng ký với UBND xã sở tại.

7. Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình chỉ được thực hiện trong thời hạn được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp và được quyền thừa kế theo quy định của pháp luật.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ QUYỀN HƯỞNG LỢI CỦA HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC GIAO, NHẬN KHOÁN RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP

1. Phân chia sản phẩm khai thác chính giữa hộ gia đình với bên giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp

1.1. Căn cứ phân chia sản phẩm khai thác chính hộ gia đình được hưởng.

UBND cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của từng địa phương trong tỉnh, tình trạng rừng khi giao hoặc khoán cho hộ gia đình, quy định cụ thể mức tỷ lệ sản phẩm khai thác chính hộ gia đình được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp được hưởng trong khung tỷ lệ quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

Trường hợp hộ gia đình được giao, nhận khoán trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng có nguồn thu sản phẩm hàng năm như: nhựa, quả, hạt, hoa thuộc quy hoạch rừng phòng hộ thì do UBND cấp tỉnh quy định mức hưởng lợi

- Lâm sản để phân chia giữa hộ gia đình với bên giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp là khối lượng lâm sản thực tế khai thác và tập trung tại bãi giao (hoặc kho) lâm sản.

Bãi giao (hoặc kho) lâm sản là địa điểm tập trung lâm sản sau khi khai thác và vận xuất, nơi các phương tiện vận chuyển có thể vào để vận chuyển lâm sản, UBND cấp tỉnh quy định địa điểm bãi giao.

1.2. Hình thức phân chia lâm sản